

Bản án số: 14/2022/HS-ST.

Ngày: 23 - 02 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Phó Trưởng phòng - Phòng LĐ-TB&XH thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Dương Thị Phụng - Nghề nghiệp: Giáo viên (Cán bộ hưu trí).

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS, ngày 27 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/HSST-QĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đăng K sinh năm 1994; nơi cư trú: Số nhà 21, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị Kiều H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 17/9/2020 bị Công an Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”; bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Công an thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Thị Mỹ T (Thạch H hay Nguyễn Ngọc Huyền T), sinh năm 2005; nơi cư trú: Không có (không rõ ràng); nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Không rõ; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T. Họ tên mẹ: Không rõ; bị cáo chưa có chồng, con;

tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2022 đến nay, bị cáo có mặt.

Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo T: Bà Lê Thị H – Chức vụ: Bí thư Phường Đoàn, phường T, thành phố V, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Bùi Minh T – Trợ giúp viên pháp lý tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

*** Các người bị hại:**

1. Ông Phan Thành L, sinh năm 1981;
2. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1981;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 28, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, các bị hại vắng mặt.

*** Các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Võ Tăng Đình T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số nhà 11, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.
2. Ông Trần Huy T, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số nhà 21, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà 21, đường Đ, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19/6/2021, Nguyễn Đăng K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 64H7 – 0869 chở bạn gái Nguyễn Thị Mỹ T (còn có tên gọi khác là Nguyễn Ngọc Huyền T hay Thạch H) - sinh năm 2005 (không có nơi cư trú nhất định) đến nhà người anh của K ở phường T, thành phố V. Khi đi ngang nhà của anh Phan Thành L và chị Nguyễn Thị Diễm T tại số 28, khóm V, phường T, thành phố V thấy cửa nhà và cổng rào đã khóa, quan sát xung quanh thấy không có người nên Kh và T muốn đột nhập vào trong để trộm cắp tài sản. K dừng xe, đi lại cổng rào kiểm tra thì thấy cổng rào bị khóa bên trong, K tiếp tục đi qua bên hông nhà thấy hàng rào bên hông nhà bị hở nên K kéo hàng rào hở rộng ra, sau đó K và T chui vào sân nhà. Khi đi đến cửa chính, K dùng mỏ lách mang theo đập bể kính, mở chốt cửa phía dưới, sau đó công T trên vai để T mở chốt cửa phía trên, cả 02 cùng đi vào trong nhà tìm tài sản. K và T đi vào trong phòng ngủ phát hiện trên kệ kim loại có để 01 nồi áp suất hiệu SUNHOUSE, 01 máy hút bụi hiệu CLEANMAX nên K lấy túi ni lông màu đen để đựng nồi áp suất và máy hút bụi đưa cho T cầm; T nhìn thấy trong bao lì xì để trong phòng ngủ có số tiền 200.000 đồng nên T lấy tiền

bỏ vào túi. Sau đó, Kh và T đi ra phòng khách, K tiếp tục lấy trộm 01 tivi 49 inch, hiệu Sony đang để trên tủ gỗ. Sau khi lấy trộm tài sản, T điều khiển xe mô tô biển số 64H7 – 0869 chở K ôm tivi đến nhà của anh Võ Tăng Đình T tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, K nói với anh T tivi của người cô cho nhưng không xài, do kẹt tiền nên bán lại với giá 2.500.000 đồng hỏi T có mua không thì T đồng ý mua, nhưng do T không đủ tiền nên T nhận cầm tivi giá 1.000.000 đồng và trả cho K trước 500.000 đồng. Đối với nồi áp suất hiệu SUNHOUSE, 01 máy hút bụi hiệu CLEANMAX, K đem về nhà cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Kiều H sử dụng.

Qua trích xuất camera và xác minh, sànlọc đối tượng nghi vấn, Cơ quan điều tra tiến hành mời Nguyễn Đăng K và Nguyễn Thị Mỹ T làm việc thì K và T thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà của anh L, mục đích K và T lấy trộm tài sản là để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra anh Phan Thành L và chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày bị mất trộm 01 tivi hiệu Sony, 01 bộ dao gồm 06 cái mua của người bán dạo với giá 500.000 đồng, 01 nồi áp suất hiệu SUNHOUSE, 01 máy hút bụi hiệu CLEANMAX và số tiền khoảng 700.000 đồng. Tuy nhiên, K và T thừa nhận chỉ lấy trộm 01 áp suất hiệu SUNHOUSE, 01 máy hút bụi hiệu CLEANMAX, 01 tivi 49 inch, hiệu Sony và số tiền 200.000 đồng, không thừa nhận lấy trộm bộ dao 06 cái và số tiền 700.000 đồng. Ngoài lời trình bày, thì anh L và chị T không có hóa đơn, giấy tờ để chứng minh số tài sản đã mất trộm nên không đủ cơ sở xác định số tài sản bị mất như các bị hại trình bày mà đủ cơ sở xác định K và T đã lấy trộm của anh L và chị T 01 nồi áp suất hiệu SUNHOUSE, 01 máy hút bụi hiệu CLEANMAX, 01 tivi 49 inch, hiệu Sony trị giá 5.980.000 đồng và số tiền 200.000 đồng như K và T đã thừa nhận.

Tại kết luận định giá tài sản số 22 ngày 01/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố V kết luận trị giá tài sản K và T lấy trộm là 5.980.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị Mỹ T do không có giấy tờ tùy thân, không có nơi cư trú rõ ràng nên không xác định được ngày, tháng, năm sinh của T. Do đó, ngày 08/10/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định tuổi của Nguyễn Thị Mỹ T để xác định T có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự không.

Tại bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 154/2021/ĐT ngày 29/10/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Vĩnh Long kết luận: Tại thời điểm ngày 19/6/2021 độ tuổi của Nguyễn Thị Mỹ T là 16 tuổi.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long có công văn yêu cầu Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long xác định tại thời điểm ngày 19/6/2021 độ tuổi của Nguyễn Thị Mỹ T là từ đủ 16 tuổi hay dưới 16 tuổi.

Tại Văn bản số 137/VB – PY ngày 05/11/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế Vĩnh Long kết luận: Tại thời điểm ngày 19/6/2021 độ tuổi của Nguyễn Thị Mỹ T là từ đủ 16 tuổi.

Đối với anh Võ Tăng Đình T và bà Nguyễn Thị Kiều H, qua làm việc anh T và bà H trình bày không biết 01 nồi áp suất hiệu SUNHOUSE, 01 máy hút bụi hiệu CLEANMAX, 01 tivi 49 inch hiệu Sony là tài sản do K và T trộm cắp mà có. Đồng thời, sau khi sự việc bị phát hiện anh T và bà H đã giao nộp lại số tài sản trên cho Công an nên không xem xét xử lý đối với anh T và bà H.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSND-TPV, ngày 27/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, truy tố các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Thị Mỹ T (Thạch H hay Nguyễn Ngọc Huyền T) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng, các bị cáo đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Kiểm sát viên vừa đọc thông qua tại phiên tòa.

Qua lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 05/CT-VKSND-TPV, ngày 27/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đối với các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Thị Mỹ T (Thạch H hay Nguyễn Ngọc Huyền T) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo K từ 09 tháng đến 01 năm tù và phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự Kiểm sát viên đề nghị không xem xét vì các bị hại không còn yêu cầu; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo; người giám hộ cho bị cáo T không có ý kiến tham gia tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T có ý kiến: Luật sư cho rằng việc truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng pháp luật, nhưng luật sư trình bày về hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, phân tích về nhân thân của bị cáo, đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ đó đề nghị phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: “*Các bị cáo cùng trình bày, biết hành vi của bị cáo là sai, bị cáo biết lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa các bị cáo; người giám hộ chỉ bị cáo T; người bào chữa cho bị cáo T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”:

Các bị cáo có hành vi “*Trộm cắp tài sản*” người khác, tài sản các bị cáo xâm hại có giá trị được xác định 5.980.000 đồng, do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điều luật nêu trên.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố các bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Thị Mỹ T (Thạch H hay Nguyễn Ngọc Huyền T) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo lén lút lấy tài sản của anh L và chị T, tổng tài sản mà bị cáo xâm hại có giá trị được xác định là 5.980.000 đồng. Ý thức của các bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra, các bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi, nên các bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của các bị cáo gây ra. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm đề răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo K ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[3] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm được quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Do đó, khi áp dụng hình phạt cần xem xét nhân thân của từng bị cáo cũng như xem xét vai trò và hành vi thực hiện việc phạm tội của từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự, để có cơ sở áp dụng hình phạt cho tương xứng với hành vi của từng bị cáo đã gây ra.

Bị cáo K đã thành niên, là người chủ động cùng chở bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đập cửa, khi thực hiện xong, bị cáo liên hệ việc tiêu thụ tài sản và cho các tài sản còn lại cho gia đình, nên hình phạt đối với bị cáo K cần phải nghiêm khắc hơn. Đối với bị cáo T chưa thành niên, hạn chế khả năng hiểu

biết và là người có vai trò giúp sức tạo điều kiện cho bị cáo K hoàn thành việc thực hiện hành vi phạm tội một cách thuận lợi, nên hình phạt đối với bị cáo T cần xem xét nhẹ hơn bị cáo K là hợp lý. Tuy nhiên, bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng, không người quản lý, giáo dục, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo T theo quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự, để có thời gian cho bị cáo học tập, cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, giúp bị cáo hoàn thiện bản thân sau này.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét về nhân thân, năm 2016 bị cáo K từ bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù về hành vi “*Cướp giật tài sản*” nhưng đã được xóa án tích; tháng 9 năm 2020 bị phạt hình chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, từ đó cho thấy, bị cáo K là người khó cải tạo. Tuy nhiên, khi phạm tội quá trình điều tra cũng như tại tòa, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, nên có căn cứ cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T không có tiền án, tiền sự, khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội còn trong độ tuổi vị thành niên, trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức còn hạn chế, nên áp dụng khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở và đề nghị về trách nhiệm dân sự và án phí là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. **Đối với người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày của người bào chữa như đã nêu trên và cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ nhất đối với người chưa thành niên phạm tội là có cơ sở chấp nhận.**

[5] Về trách nhiệm dân sự, tài sản được thu hồi trả cho bị hại xong, các bị hại không còn yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về vật chứng, hiện nay đang quản lý 01 xe mô tô; nhãn hiệu Wave; biển kiểm soát số 64H7 - 0869, số máy VDP1P52FMH009146, số khung VDPPCH0011P018646, 01 cái mỏ lết, 02 chiếc dép bằng nhựa xốp quai ngang màu đen, trên quai dép có chữ X. Xe mô tô là phương tiện bị cáo dùng cho việc thực hiện hành vi phạm tội, xe không có nguồn gốc rõ ràng, giấy tờ không hợp lệ, nên tịch thu xung công quỹ nhà nước là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; cái mỏ lết, không còn khả năng sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; 02 chiếc dép bằng nhựa xốp quai ngang màu đen, trên quai dép có chữ X trả lại cho bị cáo T.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản nào khác, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm nộp án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đăng K, Nguyễn Thị Mỹ T (Thạch H hay Nguyễn Ngọc Huyền T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K – 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 6 Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T (Thạch H hay Nguyễn Ngọc Huyền T) – 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/01/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu xung công nhà nước 01 xe mô tô; nhãn hiệu Wave; biển kiểm soát số 64H7 - 0869, số máy VDP1P52FMH009146, số khung VDPPCH0011P018646; tịch thu tiêu hủy 01 cái mô lét; trả lại cho bị cáo Tiên 02 chiếc dép bằng nhựa xộp quai ngang màu đen, trên quai dép có chữ X (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/11/2021 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V).

Buộc bị cáo K nộp lại số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

3. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc mỗi bị cáo (một người) nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị cáo T, người bào chữa cho bị cáo T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. **Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại tòa** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- CC THA DS TP V;
- UBND Phường C,
TP V, tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng